

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 -11-2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Ánh Minh
2. Ông Phan Thành Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Pha L, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

*Tất cả các đương sự được triệu tập đều có mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2019 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Pha L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B vào ngày 20/9/2008. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhà ở ấp T, xã T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian từ tháng 7/2019 thì chị và anh L thường xảy ra mâu thuẫn, anh L thường đánh đập chị chỉ vì ghen tuông vô cớ, chị nhiều lần nhờ địa phương và gia đình khuyên răn nhưng anh L không sửa đổi mà ngày càng đánh đập chị nhiều hơn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Tuấn A,

sinh ngày 09/01/2009, hiện đang sống với chị, nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: vợ chồng có căn nhà tình thương, trước đây chị có yêu cầu nhận lại 15.000.000 đồng mà chị đã đóng góp xây nhà, ngày 29/8/2019 chị có làm đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung này mà đề vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Mỏ Cày Bắc số tiền 50.000.000 đồng nhưng chưa đến hạn, khi đến hạn vợ chồng sẽ thỏa thuận phương thức trả với Ngân hàng.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:* Về điều kiện thành hôn, quá trình đăng ký kết hôn cũng như thời gian chung sống như chị L trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng từ khi vợ đi làm thì vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau do anh nghi ngờ vợ thay đổi, vợ chồng sống ly thân khoảng 5 tháng nay, anh có đến nhà hàn gắn nhưng mẹ vợ và em vợ chửi đũa nên không hàn gắn được. nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ thương con xin vợ cho anh cơ hội sửa đổi. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/01/2009, hiện đang sống với chị L, nếu Tòa giải quyết ly hôn con theo ai người đó nuôi, người không nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: vợ chồng có căn nhà tình thương cất trên đất của cha mẹ ruột anh, tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện M số tiền 50.000.000 đồng, mỗi người trả  $\frac{1}{2}$  khi nợ đến hạn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị Pha L trình bày như sau: Chị xin rút yêu cầu đối với phân cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung. Nợ chung mỗi người trả  $\frac{1}{2}$ .

Bị đơn Nguyễn Văn L trình bày như sau: Về nợ chung anh không xài tiền vay nên không đồng ý cùng trả.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Pha L; Về con chung: chị Trần Thị Pha L trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/01/2009, anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu; Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nợ chung: Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án, khi có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác (nếu Ngân hàng có yêu cầu).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn anh Nguyễn Văn L hiện đang cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Trần Thị Pha L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị L rút đơn là tự nguyện được quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Pha L đối với anh Nguyễn Văn L, thấy rằng: Về hôn nhân: Chị Trần Thị Pha L và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L cho rằng anh L thường đánh đập chị chỉ vì ghen tuông vô cớ, chị nhiều lần nhờ địa phương và gia đình khuyên răn nhưng anh L không sửa đổi mà ngày càng đánh đập chị nhiều hơn. Anh L thì cho rằng từ khi vợ đi làm thì vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau do vợ thay đổi, vợ chồng sống ly thân khoảng 5 tháng nay, anh có đến nhà hàn gắn nhưng mẹ vợ và em vợ chửi đũa nên không hàn gắn được, nay anh xin chị L cho anh cơ hội sửa đổi, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần để hàn gắn đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả, tại phiên tòa chị L kiên quyết xin ly hôn với anh L, phía anh L không đưa ra được phương hướng cũng như giải pháp khắc phục hạn chế của bản thân nên nghĩ rằng mâu thuẫn của anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Về con chung: Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/01/2009 hiện đang sống chung với chị L, chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, phía anh L không yêu cầu nuôi con mà tùy vào nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử xét thấy chị L có yêu cầu được nuôi cháu A phù hợp với nguyện vọng của cháu A theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 29/8/2019 nên được chấp nhận. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị L và anh L thống nhất tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nợ chung: nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng do Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên không xem xét giải quyết. Do vậy, Ngân hàng chính sách xã hội không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này và khi có yêu cầu sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Do chị Trần Thị Pha L thuộc diện hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Pha L.

Chị Trần Thị Pha L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2] *Về con chung*: chị Trần Thị Pha L trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/01/2009, anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Thị Pha L thuộc diện hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tân Phú Tây, quyển số 01, ngày 20/9/2008 (01b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đình**